TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2024/DS-ST
Ngày 25 – 3 – 2024
V/v tranh chấp đòi lại tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Hồ Chí Thêm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Nguyễn Văn Mầm**

Ông **Nguyễn Tấn Lộc**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc San** – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Bà **Trần Bích Trâm** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 3 năm 2024 tại Tòa án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 291/2023/TLST-DS ngày 25 tháng 7 năm 2023 về việc tranh chấp đòi lại tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 02 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1969 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà **Bùi Thị H**, sinh năm 1945 (có mặt).

Anh **Trần Văn Ng**, sinh năm 1975 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1 Anh **Dương Văn Th**, sinh năm 1993 (Có mặt).

3.2 Anh **Dương Văn Đ**, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

3.3 Chị **Trần Kim Ch**, sinh năm 1983 (Vắng mặt)

3.4 Chị **Trần Hồng Ng**, sinh năm 1981 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau.

3.5 Chị **Trần Kim H**, sinh năm 1979 (Vắng mặt)

3.6 Anh **Trần Văn Q**, sinh năm 1977 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/7/2023, đơn khởi kiện bổ sung ngày 17/01/2024, và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn bà Huỳnh Thị P trình bày:

Ngày 22/10/2008 âm lịch, bà và chồng là ông Dương Văn C có thỏa thuận cố phần đất vuông diện tích là 11.664m^2, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau của vợ chồng ông Trần Văn T và bà Bùi Thị H với giá là 25 chỉ vàng 24k, thời hạn cố đất là 03 năm thì hết hạn hợp đồng.

Do bà ở xa nên sau khi cố đất, bà và chồng có cho bà H và ông T thuê lại phần đất này để quản lý, canh tác với giá thuê 7.000.000 đồng, năm nào trả tiền năm đó. Vợ chồng ông T, bà H có trả tiền cho bà được 03 năm là 21.000.000 đồng rồi không trả nữa.

Ngày 06/5/2017, chồng bà là ông Dương Văn C chết. Bà và ông C có hai người con chung là Dương Văn Th, sinh năm 1993 và Dương Văn Đ, sinh năm 1995, cùng cư trú tại ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau.

Bà có yêu cầu nhiều lần nhưng ông T và bà H không trả tiền thuê đất, tiền cố đất, năm 2019 sau khi ông T chết thì hai bên thống nhất kết thúc hợp đồng cố đất. Bà H và con trai ông T là anh Trần Văn Ng có thống nhất trả cho bà số vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng. Tuy nhiên, sau đó anh Ng và bà H vẫn không trả cho bà số tiền, vàng đã hứa theo thỏa thuận.

Năm 2020, bà có khởi kiện bà H và con bà H là anh Trần Văn Ng tại Tòa án huyện C, bà H và anh Ng cùng bà thống nhất kết thúc hợp đồng cố đất. Ngày 27/4/2020 âm lịch, bà H và anh Ng cùng bà viết giấy cam kết hứa mỗi năm bà H và anh Ng sẽ trả cho bà 04 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 7.000.000 đồng. Bà H và anh Ng trả đến khi nào hết 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất 28.000.000 đồng thì thôi, phía bà không tính thêm tiền thuê đất. Thời gian trả là vào ngày 01/12 âm lịch hàng năm. Ngày bắt đầu trả nợ là ngày 01/12/2020 âm lịch. Chữ ký trong giấy cam kết ngày 27/4/2020 âm lịch "*H, Bùi Thị H*" là của bà H; "*Trần Văn Ng*" là của anh Ng; "*Huỳnh Thị P, P*" là của bà.

Sau khi bà H và anh Ng cùng bà lập giấy cam kết ngày 27/4/2020 âm lịch thì bà rút đơn khởi kiện để bà H, anh Ng thực hiện theo nội dung thỏa thuận và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, từ khi lập giấy cam kết đến nay thì bà H và anh Ng không thực hiện việc trả nợ cho bà như cam kết. Hiện tại, bà H và anh Ng vẫn còn nợ bà số vàng là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất 28.000.000 đồng. Do hợp đồng cố đất giữa các bên đã kết thúc nên bà thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với hợp đồng cố đất này. Phần đất bà H và anh Ng cố cho bà thì từ trước đến nay do anh Ng và bà H quản lý nên bà không yêu cầu gì đối với phần đất.

Nay bà yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Bùi Thị H và anh Trần Văn Ng trả cho bà số vàng còn nợ là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị H trình bày tại các Biên bản hòa giải ngày 30/8/2023 và ngày 17/01/2024; Biên bản làm việc ngày 17/01/2024 của Tòa án:

Vào ngày 22/10/2008, bà cùng chồng bà là ông Trần Văn T (Chết năm 2018) có ký hợp đồng cố đất cho vợ chồng bà P và ông C diện tích là 11.664m^2, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau với số vàng là 25 chỉ vàng 24k, thời hạn cố là 03 năm. Sau khi ký hợp đồng cố đất thì phần đất này bà P giao lại cho bà quản lý, canh tác. Hết thời hạn 03 năm mà không chuộc lại đất thì phải trả tiền thuê đất mỗi năm là 7.000.000 đồng.

Khi hết hạn hợp đồng cố đất thì bà và ông T không có chuộc lại đất nên mỗi năm bà phải trả tiền thuê cho bà P 7.000.000 đồng. Đến năm 2019, hai bên kết thúc hợp đồng cố đất, bà còn nợ lại bà P số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng và số vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k.

Trước khi kết thúc hợp đồng cố đất thì bà có trả được cho bà P số vàng là 02 chỉ vàng 24k cố đất và tiền thuê đất là 56.000.000 đồng. Khi bà trả cho bà P thì không có làm biên nhận, giấy tờ gì, không ai biết và chứng kiến. Bà không có yêu cầu gì đối với số tiền và vàng này.

Bà và ông T có các con là Trần Văn Ng, sinh năm 1975; Trần Văn Q, sinh năm 1977; Trần Kim H, sinh năm 1979, địa chỉ ấp T, xã P, huyện T, tỉnh Cà Mau; Trần Hồng Ng, sinh năm 1981; Trần Kim Ch, sinh năm 1983.

Trước đây, bà P có khởi kiện bà và con bà là anh Trần Văn Ng tại Tòa án huyện C, bà và anh Ng cùng bà P thống nhất kết thúc hợp đồng cố đất. Ngày 27/4/2020, bà và anh Ng cùng bà P viết giấy cam kết hứa mỗi năm bà và anh Ng sẽ trả cho bà P 04 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 7.000.000 đồng. Bà và anh Ng trả đến khi nào hết 25 chỉ vàng 24k và số tiền 28.000.000 đồng thì thôi, phía bà P không tính thêm tiền thuê đất. Thời gian trả là vào ngày 01/12 âm lịch hàng năm. Ngày bắt đầu trả nợ là ngày 01/12/2020 âm lịch. Chữ ký trong giấy cam kết ngày 27/4/2020 âm lịch "*H, Bùi Thị H*" là của bà; "*Trần Văn Ng*" là của anh Ng.

Sau khi bà và anh Ng cùng bà P lập giấy cam kết ngày 27/4/2020 âm lịch thì bà P rút đơn khởi kiện để bà và anh Ng thực hiện theo nội dung thỏa thuận và Tòa án đã đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, từ khi lập giấy cam kết đến nay thì bà và anh Ng không thực hiện việc trả nợ cho bà P như cam kết. Hiện tại, bà và anh Ng vẫn còn nợ bà P số vàng là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất 28.000.000 đồng. Do hợp đồng cố đất giữa các bên đã kết thúc, bà đang quản lý và sử dụng phần đất cố nên bà thống nhất không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết đối với hợp đồng cố đất này.

Hiện nay, anh Trần Văn Ng đã đi làm tại tỉnh Bình Dương, không có mặt tại địa phương. Các con của bà thì không có liên quan đến việc phải trả cho bà P 25 chỉ vàng 24k và số tiền 28.000.000 đồng, vì số vàng và tiền này là do bà và anh Ng còn nợ lại bà P.

Nay bà P yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà và anh Trần Văn Ng trả lại cho bà P số vàng 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất 28.000.000 đồng thì bà đồng ý. Nhưng do hoàn cảnh khó khăn bà yêu cầu bà P xem xét cho bà phần tiền thuê đất là 28.000.000 đồng, bà yêu cầu được trả số vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k.

Theo anh Dương Văn Đ trình bày: Anh là con của bà P và ông C. Cha anh là ông C đã chết vào ngày 06/5/2017. Anh có biết việc bà H và anh Ng còn nợ cha mẹ anh số vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng. Nay mẹ anh là bà P yêu cầu bà H và anh Ng trả cho bà số vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng thì anh không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền vàng này. Nếu sau này anh có yêu cầu đối với số tiền vàng này thì anh sẽ khởi kiện bà P thành vụ kiện khác. Do phải đi làm ăn xa nên anh xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án, anh cam kết không khiếu nại về sau.

Theo anh Dương Văn Thép trình bày: Anh là con của bà P và ông C. Cha anh là ông C đã chết vào ngày 06/5/2017. Anh có biết việc bà H và anh Ng còn nợ cha mẹ anh số vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng. Nay mẹ anh là bà P yêu cầu bà H và anh Ng trả cho bà số vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng thì anh không có ý kiến và cũng không có yêu cầu gì đối với số tiền vàng này. Nếu sau này anh có yêu cầu đối với số tiền vàng này thì anh sẽ khởi kiện bà P thành vụ kiện khác. Do phải đi làm ăn xa nên anh xin vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử của Tòa án, anh cam kết không khiếu nại về sau.

Bị đơn là anh Trần Văn Ng; người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là chị Trần Kim Ch, chị Trần Hồng Ng, chị Trần Kim H, anh Trần Văn Q đã được Toà án tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng nhưng không đến Toà án theo giấy triệu tập và cũng không gửi cho Toà án văn bản ý kiến của mình. Đồng thời, Tòa án có xuống trực tiếp nhà của anh Ng để ghi nhận ý kiến nhưng anh Ng không có mặt tại địa phương, do vậy không ghi nhận được ý kiến của anh Ng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn bà Huỳnh Thị P trình bày: Do hợp đồng cố đất giữa bà với bà H, anh Ng đã kết thúc, bà H và anh Ng có viết giấy cam kết hứa trả vàng và tiền cho bà nhưng bà H và anh Ng không thực hiện theo cam kết. Do hoàn cảnh gia đình của bà H khó khăn nên bà đồng ý bớt cho bà H và anh Ng số tiền thuê đất 13.000.000 đồng. Nay bà yêu cầu bà Bùi Thị H và anh Trần Văn Ng trả cho bà số vàng còn nợ là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 15.000.000 đồng. Bà xin rút lại yêu cầu bà H và anh Ng trả số tiền thuê đất 13.000.000 đồng.

Bị đơn bà Bùi Thị H trình bày: Bà thừa nhận bà và anh Ng còn nợ bà P 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà P số vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k và tiền thuê đất là 15.000.000 đồng. Do bà là người cao tuổi nên bà đề nghị miễn tiền án phí đối với số vàng và tiền phải trả cho bà P.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn; những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng được quy định tại các điều 70, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà P. Buộc bà Bùi Thị H và anh Trần Văn Ng liên đới trả cho bà Huỳnh Thị P số vàng còn nợ là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 15.000.000 đồng.

+ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà P về việc yêu cầu bà H và anh Ng liên đới trả số tiền thuê đất là 13.000.000 đồng.

+ Về án phí: Đương sự chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền:

Tranh chấp giữa nguyên đơn bà Huỳnh Thị P với bị đơn bà Bùi Thị H và ông Trần Văn Ng là tranh chấp hợp đồng cầm cố đất kể từ khi thụ lý vụ án. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp "*Tranh chấp đòi lại tài sản*" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn bà Bùi Thị H và ông Trần Văn Ng có địa chỉ cư trú tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau. Do đó, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Anh Dương Văn Đ yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đ theo quy định khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Chị Trần Kim Ch, chị Trần Hồng Ngợi, chị Trần Kim Huệ, anh Trần Văn Q đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Ch, chị Ng, chị H và anh Q theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Qua xét hỏi và tranh tụng tại phiên tòa, nhận định của Hội đồng xét xử về nội dung tranh chấp của vụ án như sau:

[3.1] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P về việc yêu cầu bà Bùi Thị H và ông Trần Văn Ng có trách nhiệm liên đới trả số vàng là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 15.000.000 đồng.

Quá trình làm việc tại Tòa án và tại phiên tòa, cả bà P và bà H đều thống nhất xác định: Vào ngày 22/10/2008, vợ chồng bà H và ông T (Chết năm 2018) có ký hợp đồng cố đất cố cho vợ chồng bà P và ông C (Chết năm 2017) phần đất có diện tích là 11.664m^2, tọa lạc tại ấp T, xã H, huyện C, tỉnh Cà Mau với số vàng là 25 chỉ vàng 24k, thời hạn cố là 03 năm. Sau khi ký hợp đồng cố đất, vợ chồng bà P và ông C giao lại phần đất cố cho vợ chồng bà H và ông T quản lý, canh tác. Hai bên thỏa thuận bà H và ông T phải trả tiền thuê đất mỗi năm là 7.000.000 đồng. Đến năm 2019, hai bên kết thúc hợp đồng cố đất, bà H còn nợ lại bà P số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng và số vàng cố đất là 25 chỉ vàng 24k. Ngày 27/4/2020, bà H và anh Ng cùng bà P viết giấy cam kết, thừa nhận còn nợ bà P 25 chỉ vàng 24 và tiền thuê đất là 28.000.000 đồng và cam kết mỗi năm bà H và anh Ng sẽ trả cho bà P 04 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 7.000.000 đồng đến khi hết nợ, phía bà P không tính thêm tiền thuê đất. Thời gian trả là vào ngày 01/12 âm lịch hàng năm. Ngày bắt đầu trả nợ là ngày 01/12/2020 âm lịch.

"Giấy cam kết" ngày 27/4/2020 có bà P, bà H và anh Ng ký và ghi họ tên. Từ khi lập giấy cam kết đến nay thì bà H và anh Ng không thực hiện việc trả nợ cho bà P như cam kết. Tại phiên tòa, bà P yêu cầu bà Bùi Thị H và anh Trần Văn Ng trả cho bà số vàng còn nợ là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 15.000.000 đồng.

Tại các biên bản hòa giải ngày 30/8/2023 và ngày 17/01/2024, biên bản làm ngày 17/01/2024, bà H thừa nhận còn nợ bà P số vàng là 25 chỉ vàng 24k và tiền thuê đất là 28.000.000 đồng, chữ ký trong "giấy cam kết" ngày 27/4/2020 âm lịch "*H, Bùi Thị H*" là của bà; "*Trần Văn Ng*" là của anh Ng. Các con của bà là chị Ch, chị Ng, chị H và anh Q không có liên quan đến việc phải trả cho bà P số vàng là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng, vì số vàng và tiền này là do bà và anh Ng còn nợ lại bà P nên bà và anh Ng đồng ý có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà P số vàng là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng. Tại phiên tòa, bà H đồng ý trả cho bà P số vàng 25 chỉ vàng 24k và tiền thuê đất là 15.000.000 đồng, không có ý kiến gì về việc bà P rút lại yêu cầu đối với số tiền thuê đất là 13.000.000 đồng. Từ đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của bà P về việc yêu cầu bà Bùi Thị H và ông Trần Văn Ng có trách nhiệm liên đới trả số vàng là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 15.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận, trên cơ sở thừa nhận của bà H, có căn cứ xác định số vàng là 25 chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 15.000.000 đồng là nợ của bà H và anh Ng. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà P đối với bà H và anh Ng, buộc bà H và anh Ng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà P số vàng là 25 (Hai mươi lăm) chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

[3.2] Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/7/2023, bà P yêu cầu bà H và anh Ng có trách nhiệm liên đới trả số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, bà P xin rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà H và anh Ng về số tiền thuê đất là 13.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy việc bà P rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với bà H và anh Ng là hoàn toàn tự nguyện không ai ép buộc nên cần đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà P đối với bà H và anh Ng về số tiền thuê đất là 13.000.000 đồng.

[3.3] Đối với số vàng là 25 (Hai mươi lăm) chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng) thì anh Dương Văn Th và anh Dương Văn Đ không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Nếu sau này anh Th và anh Đ có yêu cầu đối với số tiền vàng này thì anh Th và anh Đ sẽ khởi kiện bà P thành vụ kiện khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà H và anh Ng phải chịu số tiền án phí đối với yêu cầu của bà P được chấp nhận số vàng là 25 chỉ vàng 24k (giá vàng tại thời điểm xét xử là 6.650.000 đồng/chỉ) và số tiền thuê đất là 28.000.000 đồng với số tiền án phí 9.712.500 đồng (Chín triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Trần Văn Ng phải chịu ½ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền là 4.856.250 đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà P không phải chịu án phí. Bà P đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009380 ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, 217, 218, 227, 228, 235, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 166; 463; 466; khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P đối với bà Bùi Thị H và anh Trần Văn Ng.

Buộc bà Bùi Thị H và anh Trần Văn Ng có trách nhiệm liên đới thanh toán cho bà Huỳnh Thị P số vàng là 25 (Hai mươi lăm) chỉ vàng 24k và số tiền thuê đất là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).

Đối với khoản tiền nêu trên, kể từ ngày bà Huỳnh Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Bùi Thị H và anh Trần Văn Ng không thi hành thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Huỳnh Thị P đối với bà Bùi Thị H và anh Trần Văn Ng về số tiền thuê đất là 13.000.000 đồng (Mười ba triệu đồng).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Bùi Thị H và anh Trần Văn Ng phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá là 9.712.500 đồng (Chín triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng), nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà H thuộc trường hợp được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Trần Văn Ng phải chịu số tiền 4.856.250 đồng (Bốn triệu tám trăm năm mươi sáu nghìn hai trăm năm mươi đồng) án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Bà P không phải chịu án phí. Bà P đã dự nộp tạm ứng án phí số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009380 ngày 24 tháng 7 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, được nhận lại tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Trường hợp Bản án (Quyết định) được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy đinh tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Chí Thêm